

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 13-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành

Ông Bùi Đắc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 6, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Ngô Thị L; có vợ và 01 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 28-5-2019 đến ngày 29-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn K, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: K 3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Phạm Thị T; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày

15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Ngọc S, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa:12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05-9-2019 đến ngày 09-9-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bùi Thanh T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa:12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Kim H và bà Vũ Thị L; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Công T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đa, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa:12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T và bà Mạc Thị Q; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Vũ Hữu N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: công nhân; T độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu A và bà Vũ Thị C; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Bùi Quang L, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đội 4, thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Trần Thị T; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Mạc Như S, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Mạc Như S và bà Vũ Thị N; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Trần Đức T, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1992 tại P; Nơi ĐKHKTT: Khu 5, xã Y, huyện T, tỉnh P; trú tại: TDP L 2, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; T độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Quách Thị S; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 14-5-2019, tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa ChinHuei, địa chỉ: Tổ 1C phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Công an quận D bắt quả tang Trần Văn T, Phạm Văn K, Bùi Quang L, Vũ Hữu N, Mạc Như S, Nguyễn Công T, Bùi Thanh T, Trần Đức T, Phạm Ngọc S cùng một số đối tượng khác đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Trong khi bắt giữ Trần Văn T, Phạm Ngọc S chạy thoát. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: 12.050.000 đồng; 01 bát nhựa tự chế; 01 đĩa nhựa; 04 quân bài vị được cắt bằng giấy hình tròn. Thu giữ trong người Phạm Văn K 5.840.000 đồng, Bùi Quang L 730.000 đồng, Vũ Hữu Nam 3.100.000 đồng, Mạc Như S 320.000 đồng, Trần Đức T 20.000 đồng, Nguyễn Công T 4.030.000 đồng, Bùi Thanh T 1.020.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ trong người các đối tượng là 15.060.000 đồng.

Ngày 05-9-2019, Phạm Ngọc S bị bắt. Sau khi bỏ trốn ngày 28-5-2019, Trần Văn T đến Công an quận D đầu thú.

Quá T điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng hơn 22 giờ ngày 14-5-2019, Trần Văn T vào phòng chờ của xưởng in I Công ty cổ phần công nghiệp nhựa ChinHuei thấy ở góc phòng có một bộ bát đĩa tự chế bằng nhựa và 04 quân bài hình tròn. T cầm bát, đĩa và quân bài và nói “*Có ai đánh xóc đĩa không*” thì Phạm Văn K, Bùi Quang L, Vũ Hữu N, Mạc Như S, Nguyễn Công T, Bùi Thanh T, Trần Đức T, Phạm Ngọc S và một số người khác có mặt trong phòng đồng ý và tham gia đánh bạc. Hình thức đánh bạc, dùng 04 quân bài mỗi quân có 02 mặt (một mặt màu trắng và một mặt màu đỏ) cho vào bát xóc, khi mở bát nếu 02

quân vị hoặc 04 quân vị có mặt giống nhau là chắn; nếu 01 quân vị hoặc 03 quân vị có mặt giống nhau là lẻ; người chơi bạc sẽ đặt tiền vào cửa chắn hoặc lẻ; đặt cửa chắn thì để tiền phía trong lòng người xóc cái còn đặt cửa lẻ để tiền ở phía ngoài; tỉ lệ thắng thua là 1:1, khi người xóc cái mở bát quân vị chắn người đặt cửa chắn thắng, quân vị lẻ người đặt cửa lẻ thắng; người thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt; nếu thua mất số tiền đã đặt. Mỗi lần đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, không giới hạn mức đặt cao nhất. T là người xóc cái cho mọi người chơi, cả nhóm chơi đến 22 giờ 45 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc: Trần Văn T có 700.000 đồng để đánh bạc; Phạm Văn K có 6.140.000 đồng, dùng 2.300.000 đồng đánh bạc, số tiền 3.840.000 đồng còn lại dùng để chi tiêu cá nhân; Bùi Quang L có 630.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng đánh bạc còn 30.000 đồng chi tiêu cá nhân; Vũ Hữu Nam có 3.200.000 đồng, dùng 1.200.000 đồng đánh bạc, còn 2.000.000 đồng để sinh hoạt cho gia đình; Mạc Như S có 370.000 đồng dùng toàn bộ để đánh bạc; Trần Đức T có 70.000 đồng, dùng 50.000 đồng đánh bạc còn 20.000 đồng chi tiêu cá nhân; Nguyễn Công T có 4.230.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc còn lại 2.730.000 đồng để trả nợ; Bùi Thanh T có 1.520.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, S có 2.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Như vậy, tổng số 15.060.000 đồng thu trong người của những người tham gia đánh bạc có 6.440.000 đồng dùng để đánh bạc, còn 8.620.000 đồng không dùng để đánh bạc mà dùng chi tiêu cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 14-10-2019, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng của vụ án: 01 đĩa nhựa tự chế; 01 bát nhựa tự chế; 04 quân vị hình tròn và 27.110.000 đồng chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý phục vụ việc xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa T bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 Bộ luật

Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Phạm Ngọc S, Phạm Văn K, Nguyễn Công T, Vũ Hữu N, Bùi Thanh T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; Xử phạt các bị cáo Bùi Quang L, Mạc Như S từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Các bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá T điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ đến 22 giờ 45 ngày 14-5-2019, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc với hình thức chơi "xóc đĩa" ăn tiền với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 18.490.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[3] Khi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T có vai trò cao hơn các bị cáo khác do là người khởi xướng việc đánh bạc đồng thời cũng là người thực hành tích cực do đó mức hình phạt đối với bị cáo T phải cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo còn lại đều là người thực hành trong vụ án.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo N, T, K, S, L, S, T, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, các bị cáo Nam, bị cáo S, bị cáo T đã có thời gian tham gia quân ngũ; gia đình các bị cáo T, bị cáo L, bị cáo N, bị cáo K, bị cáo T gia đình có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự công cộng được Nhà nước bảo vệ và gây mất trật tự trị an chung nên phải xử lý nghiêm bằng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần căn cứ vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét các bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có công việc ổn định. Vì vậy, không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Các bị cáo khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ thu nhập song xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo K, L, S, T, Nam, T, T đều bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019) nên được khấu trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo T được khấu trừ 03 ngày do bị tạm giữ 01 ngày; bị cáo S được trừ 15 ngày cải tạo do bị tạm giữ 05 ngày.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Hội đồng xét xử xét thấy: Điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Số tiền 18.490.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đây là tiền do phạm tội mà có và là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 đĩa nhựa tự chế; 01 bát nhựa tự chế; 04 quân vị hình tròn là công cụ phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Trả lại cho các bị cáo số tiền không sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể: Trả lại bị cáo Phạm Văn K số tiền 3.840.000 đồng, trả lại bị cáo Bùi Quang L số tiền 30.000 đồng; trả lại bị cáo Vũ Hữu N số tiền 2.000.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Đức T số tiền 20.000 đồng; trả lại bị cáo Nguyễn Công T số tiền 2.730.000 đồng.

Về án phí:

[11] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo:

[12] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt Trần Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 03 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 01 ngày từ ngày 28-5-2019 đến ngày 29-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trần Văn T

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường N, quận K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường N, quận K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Văn K.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Hữu Nam 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Vũ Hữu Nam.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 15 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 05-9-2019 đến ngày 09-9-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Ngọc S.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Công T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Thanh T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Quang L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Quang L.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mạc Như S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Mạc Như S.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 15-5-2019 đến ngày 23-5-2019. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường P, quận K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường P, quận K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trần Đức T.

- Các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.490.000 đồng thu giữ của các bị cáo theo Biên lai thu tiền số 0006914 ngày 09-08-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D.

Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa nhựa tự chế; 01 bát nhựa tự chế; 04 quân vị hình tròn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-8-2019 giữa công an quận D và Chi cục Thi hành án dân sự quận D.

Trả lại bị cáo Phạm Văn K số tiền 3.840.000 đồng, trả lại bị cáo Bùi Quang L số tiền 30.000 đồng; trả lại bị cáo Vũ Hữu N số tiền 2.000.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Đức T số tiền 20.000 đồng; trả lại bị cáo Nguyễn Công T số tiền 2.730.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006914 ngày 09-08-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D nhưng **tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.**

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA quận D;
- Cơ quan THAHS quận D;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- UBND phường nơi các bị cáo cư trú;
- Tòa án TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung